TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 93/2026/DS-ST Ngày: 30-3-2026 *V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Phong

2. Bà Nguyễn Thị Ngưng

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 529/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố N, phường G, tỉnh Tây Ninh.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông D, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp T, xã, tỉnh Vĩnh Long; Theo hợp đồng ủy quyền ngày 27 tháng 10 năm 2025 tại Văn phòng công chứng TH, số công chứng 009852/2025/CCGD.

Bị đơn: Ông Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp H, xã P, tỉnh Tây Ninh.

Ông Dương có mặt; ông Đ vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-7-2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà T và ông Đ là đồng nghiệp với nhau, làm chung công ty H. Do tin tưởng nên ngày 20/4/2020, bà T cho ông Đ vay 60.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm. Mục đích ông Đ vay là để làm hàng rào nhà và hứa vay trong thời hạn 03 tháng thì sẽ trả lại cho bà. Do tin tưởng nên bà không có yêu cầu ông Đ viết giấy nợ. Sau khi vay thì ông Đ có trả cho bà T được 19.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả được số tiền nợ gốc nào.

Do không làm giấy nợ, nên để làm bằng chứng cho việc ông Đ đang còn nợ tiền thì bà T có ghi âm lại được cuộc nói chuyện ông Đ thừa nhận còn nợ bà T. Do ông Đ không có thiện chí trả tiền nên bà T khởi kiện yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng và tiền lãi từ ngày khởi kiện đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm.

Tại biên bản hòa giải ngày 04/3/2026 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T yêu cầu ông Đ trả số tiền 60.000.000 đồng, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn- ông Đ trình bày:

Vào năm 2020, ông có vay của bà T số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, không ghi thời hạn trả, lãi suất 10%/tháng. Ông đã trả lãi cho bà T được nhiều lần nhưng không xác định được số tiền bao nhiêu. Sau đó, do dịch bệnh Covid 19 ông không đi làm nên không có tiền trả lãi cho bà T được. Sau đó ông trả cho bà T được số tiền gốc là 19.000.000 đồng, cụ thể tháng 3/2021 ông trả cho bà T số tiền là 10.000.000 đồng, tháng 8/2021 ông trả số tiền là 9.000.000 đồng. Nay ông thừa nhận còn nợ bà T số tiền gốc là 21.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà T số tiền gốc là 21.000.000 đồng và trả tiền lãi là 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ theo quy định tại Điều 357, 463, 466, 468, 469 BLDS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông Đ về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 26.069.500 đồng.

- Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T cho rằng ngày 20/4/2020, bà T cho ông Đ vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 20%/năm, mục đích ông Đ vay tiền là để làm hàng rào nhà và hứa vay trong thời hạn 03 tháng thì sẽ trả lại cho bà T,

không viết giấy nợ. Bà T có cung cấp các hình ảnh tin nhắn trên điện thoại trao đổi qua lại giữa bà T và ông Đ thể hiện có việc vay tiền nhưng không xác định được số tiền cụ thể là bao nhiêu. Bà T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà. Tuy nhiên, ông Đ thừa nhận năm 2020 ông Đ có vay của bà T số tiền 40.000.000 đồng, không ghi thời hạn trả, lãi suất 10%/tháng. Vì vậy có cơ sơ xác định số tiền bà T cho ông Đ vay là 40.000.000 đồng. Do các bên không xác định được mốc thời gian vay tiền, trả tiền nên cần xác định thời gian vay là tháng 4/2020 theo lời trình bày của bà T.

Qúa trình thực hiện, các đương sự đều thừa nhận ông Đ đã trả cho bà T số tiền 19.000.000 đồng nhưng bà T cho rằng đây là tiền lãi, ông Đ cho rằng tiền trả là tiền gốc nên chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 21.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 25.000.000 đồng. Do không có sự thống nhất số tiền 19.000.000 đồng là tiền gốc hay tiền lãi nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên và do đây là hợp đồng vay tiền có lãi suất nên cần khấu trừ số tiền đã trả theo thứ tự tiền lãi, tiền gốc cụ thể như sau:

- Ông Đ thừa nhận tháng 3/2021 ông Đ trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng nên lãi suất từ tháng 4/2020 tính đến tháng 3/2021 là: 40.000.000 đồng x 11 tháng x 10% = 3.666.667 đồng, số tiền còn lại 6.333.333 đồng trừ vào tiền gốc nên số tiền nợ còn lại là 33.666.667 đồng.

- Ông Đ đều thừa nhận tháng 8/2021 trả cho bà T số tiền là 9.000.000 đồng nên lãi suất từ tháng 3/2021 tính đến tháng 8/2021 là: 33.666.667 đồng x 5 tháng x 10% = 1.402.778 đồng, số tiền còn lại 7.597.222 đồng trừ vào tiền gốc nên số tiền nợ còn lại là 26.069.500 đồng.

Vì vậy, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 26.069.500 đồng.

[3] Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T nên bà T phải chịu án phí đối với số tiền không được Hội đồng xét xử chấp nhận, ông Đ phải chịu án phí đối với số tiền được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 92, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông Đ về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền là 26.069.500 (*hai mươi sáu triệu không trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông Đ về số tiền 33.930.500 *(ba mươi ba triệu chín trăm ba mươi nghìn năm trăm)* đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T phải chịu 1.697.000 *(một triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn)* đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.550.000 *(một triệu năm trăm năm mươi nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0009609 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà T còn phải nộp tiếp số tiền 147.000 (một trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng.

Ông Đ phải chịu 1.303.000 *(một triệu ba trăm linh ba nghìn)* đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 12, Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hoàng Mai